

Số: 372 /TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 17 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025 (thay thế Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11/12/2024)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025.

Tuy nhiên, căn cứ quy định của pháp luật trong từng lĩnh vực cụ thể và đảm bảo việc triển khai phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy được đồng bộ, kịp thời ngay sau khi Trung ương, Quốc hội thông qua; căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ, quy định "1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính quy định tại điểm a¹ khoản 4 Điều 2 Nghị định này" và căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và rà soát quy định của pháp luật, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp chuyên đề (tháng 02/2025) khóa XVII về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Cao Bằng năm 2025 (biên chế công chức các sở ngành sau khi thành lập, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị mới) như sau:

Giao biên chế năm 2025: **2.013** biên chế (số lượng không thay đổi so với Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025); tuy nhiên điều chỉnh số giao cho các đơn vị theo hướng:

1. Các Sở, ban, ngành: **1.122** biên chế (giữ nguyên biên chế được giao theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh), trong đó điều chỉnh tăng/giảm tại một số sở, ngành mới sau thành lập như sau:

¹ a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi tắt là sở).

- Sở Nội vụ (sau tiếp nhận và chuyển chức năng, nhiệm vụ): **72 biên chế**, trong đó: 59 biên chế của Sở Nội vụ trước khi hợp nhất, giảm 08 biên chế do chuyển Ban Tôn giáo sang Sở Dân tộc và Tôn giáo; tiếp nhận 21 biên chế từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sở Tài chính (sở mới sau hợp nhất): **100 biên chế**, trong đó: 43 biên chế của Sở Kế hoạch và Đầu tư và 57 biên chế của Sở Tài chính trước khi hợp nhất.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (sở mới sau hợp nhất): **339 biên chế**, trong đó: 280 biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 50 biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi hợp nhất và 09 biên chế tiếp nhận từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sở Xây dựng (sở mới sau hợp nhất): **84 biên chế**, trong đó: 45 biên chế của Sở Giao thông vận tải và 39 biên chế của Sở Xây dựng trước khi hợp nhất.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ): **44 biên chế**, trong đó: 39 biên chế của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi tổ chức lại và tiếp nhận 05 biên chế từ Sở Thông tin và Truyền thông.

- Sở Khoa học và Công nghệ (sở mới sau hợp nhất): **52 biên chế**, trong đó: 32 biên chế của Sở Khoa học và Công nghệ; 25 biên chế của Sở Thông tin và Truyền thông trước khi hợp nhất và giảm 05 biên chế do chuyển sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Sở Giáo dục và Đào tạo (sau tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ): **57 biên chế**, trong đó: 51 biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi tổ chức lại và tiếp nhận 06 biên chế từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sở Y tế: 79 biên chế, trong đó (sau tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ): **65 biên chế** của Sở Y tế trước khi tổ chức lại và tiếp nhận 14 biên chế từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Các sở, ngành còn lại giữ nguyên biên chế theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025.

2. UBND các huyện, thành phố: **886 biên chế**, **giữ nguyên biên chế** được giao theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: **05 biên chế**, **giữ nguyên biên chế** được giao theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

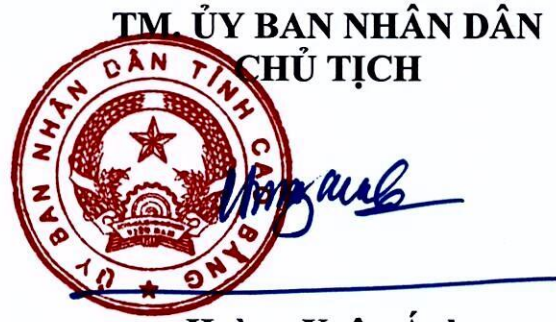
(Có dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh và phụ lục kèm theo).

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.

4



Hoàng Xuân Ánh

Phụ lục

**GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TỈNH CAO BẰNG NĂM 2025**

(Kèm theo Tờ trình số ~~32~~ TTtr-UBND ngày 17/02/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng)

TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025 theo Nghị quyết 112/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Dự kiến biên chế giao năm 2025 (sau khi thực hiện hợp nhất, tổ chức lại các sở, ngành)		Ghi chú
			Giao năm 2025	Tăng/Giảm so với biên chế giao theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	2.013	2.013	0	
I	SỞ, NGÀNH	1.122	1.122	0	
1	Sở Nội vụ	59	72	13	Giảm 08 biên chế do chuyển Ban Tôn giáo sang Sở Dân tộc và Tôn giáo và tăng 21 biên chế do tiếp nhận từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Sở Tư pháp	29	29	0	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	43	0	-43	43 biên chế của Sở Kế hoạch và Đầu tư và 57 biên chế của Sở Tài chính trước khi hợp nhất
4	Sở Tài chính	57	100	43	
5	Sở Công Thương	45	45	0	
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	280	339	59	280 biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 50 biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi hợp nhất và tăng 09 biên chế do tiếp nhận từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
7	Sở Tài nguyên & Môi trường	50	0	-50	
8	Sở Giao thông vận tải	45	0	-45	45 biên chế của Sở Giao thông vận tải và 39 biên chế của Sở Xây dựng trước khi hợp nhất
9	Sở Xây dựng	39	84	45	
10	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	50	0	-50	Giảm 50 biên chế do hợp nhất Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ
11	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	39	44	5	Tăng 05 biên chế do tiếp nhận từ Sở Thông tin và Truyền thông
12	Sở Khoa học và Công nghệ	32	52	20	32 biên chế của Sở Khoa học và Công nghệ; 25 biên chế của Sở Thông tin và Truyền thông trước khi hợp nhất và giảm 05 biên chế do chuyển sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13	Sở Thông tin&Truyền thông	25	0	-25	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	51	57	6	Tăng 06 biên chế do tiếp nhận từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
15	Sở Y tế	65	79	14	Tăng 14 biên chế do tiếp nhận từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
16	Thanh tra tỉnh	29	29	0	

17	Sở Ngoại vụ	27	27	0	
18	Sở Dân tộc và Tôn giáo	22	30	8	Tăng 08 biên chế do tiếp nhận biên chế từ Ban Tôn giáo, trực thuộc Sở Nội vụ
19	Văn phòng ĐDBQH& HĐND tỉnh	39	39	0	
20	Văn phòng UBND tỉnh	60	60	0	
21	BQL khu kinh tế tỉnh	36	36	0	
II HUYỆN, THÀNH PHỐ		886	886	886	Giữ nguyên
1	Bảo Lâm	806	806	0	
2	Bảo Lạc	81	81	0	
3	Hà Quảng	107	107	0	
4	Hạ Lang	80	80	0	
5	Hòa An	85	85	0	
6	Nguyên Bình	81	81	0	
7	Quảng Hòa	100	100	0	
8	Thạch An	79	79	0	
9	Trùng Khánh	103	103	0	
10	TP. Cao Bằng	90	90	0	
III BIÊN CHẾ THU HỒI SAU SÁP NHẬP ĐVHC		5	5	0	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 02 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 27 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25
tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban
Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 3185-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của
Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2025;*

*Căn cứ Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24 tháng 11 năm 2024 của Ban Chỉ
đạo về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của
Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp
tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;*

*Căn cứ Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18 tháng 12 năm 2024
của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ
về định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp, tổ chức của các cơ quan
chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Căn cứ Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12 tháng 01 năm 2025
của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ
về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn
thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 1968-QĐ/TU ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ban
Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành
chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ
tỉnh Cao Bằng năm 2025;*

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết giao biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025: **2.013** biên chế, cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: 1.122 biên chế;
- Cấp huyện: 886 biên chế;
- Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 05 biên chế.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 27 (*chuyên đề*) thông qua ngày ... tháng 02 năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (*để b/c*);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Phụ lục

**GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TỈNH CAO BẰNG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	2.013	
I	SỞ, NGÀNH	1.122	
1	Sở Nội vụ	72	
2	Sở Tư pháp	29	
3	Sở Tài chính	100	
4	Sở Công Thương	45	
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	339	
6	Sở Xây dựng	84	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44	
8	Sở Khoa học và Công nghệ	52	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	57	
10	Sở Y tế	79	
11	Thanh tra tỉnh	29	
12	Sở Ngoại vụ	27	
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	30	
14	Văn phòng ĐDBQH& HĐND tỉnh	39	
15	Văn phòng UBND tỉnh	60	
16	BQL khu kinh tế tỉnh	36	

TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
II	HUYỆN, THÀNH PHỐ	886	
1	Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm	80	
2	Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lạc	81	
3	Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng	107	
4	Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang	80	
5	Ủy ban nhân dân huyện Hòa An	85	
6	Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình	81	
7	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa	100	
8	Ủy ban nhân dân huyện Thạch An	79	
9	Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh	103	
10	Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng	90	
III	BIÊN CHẾ THU HỒI SAU SÁP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	5	